



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,  
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân,  
thành phố Hà Nội

Mã số DN: 0100106440

Số: 170 /2022/LICOGI-CBTT

(V/v CBTT Báo cáo tài chính riêng (đã  
được kiểm toán) năm 2021 của Tổng  
công ty Licogi- CTCP).

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty: **TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**  
Địa chỉ trụ sở chính: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
Điện thoại: 0243 8542 365  
Fax: 0243 8542 655

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vũ Nguyên Vũ

Địa chỉ: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh  
Xuân, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0912046454

Loại thông tin công bố:  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  
 định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

Tổng công ty LICOGI-CTCP công bố thông tin về Báo cáo tài chính riêng (đã  
được kiểm toán) năm 2021 của Tổng công ty Licogi – CTCP.

*(Có Báo cáo tài chính kèm theo).*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty vào  
ngày 30/03/2022 tại đường dẫn: <http://www.licogi.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn  
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như đề gửi;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban TGD (để biết);
- Lưu VP HĐQT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY LICOGI-CTCP**



**Vũ Nguyên Vũ**

Số: 1.72 /CV-LICOGI

"V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 của BCTC riêng sau kiểm toán"

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng Công ty Licogi-CTCP giải trình kết quả kinh doanh năm 2021 cụ thể như sau:

1- Giải trình kết quả kinh doanh năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020:

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2021 sau kiểm toán	Năm 2020 sau kiểm toán	Biến động (%)
<b>1</b>	<b>Tổng thu nhập sau giảm trừ:</b>		<b>591.886</b>	<b>453.349</b>	<b>31%</b>
	- Doanh thu hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính	Tr. đồng	409.409	341.513	20%
	- Doanh thu hoạt động tài chính	Tr. đồng	182.464	110.493	65%
	- Thu nhập khác	Tr. đồng	13	1.343	-99%
<b>2</b>	<b>Tổng chi phí:</b>	Tr. đồng	<b>582.421</b>	<b>448.721</b>	<b>30%</b>
	- Giá vốn	Tr. đồng	407.725	337.227	21%
	- Chi phí tài chính	Tr. đồng	130.185	59.413	119%
	- Chi phí bán hàng	Tr. đồng	-	-	
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr. đồng	27.995	30.376	-8%
	- Chi phí khác	Tr. đồng	16.517	21.705	-24%
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Tr. đồng	<b>9.464</b>	<b>4.628</b>	<b>104%</b>
<b>4</b>	<b>Thuế TNDN</b>	Tr. đồng	-	-	
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	Tr. đồng	<b>9.464</b>	<b>4.628</b>	<b>104%</b>

Năm 2021 lợi nhuận C tăng 4,8 tỷ đồng so với năm 2020 chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng do thoái một phần vốn đầu tư tài chính tại Công ty Cổ phần Licogi 14.
- Năm 2021 chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác giảm so với năm 2020.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu TCKT, VP HĐQT



TÔNG GIÁM ĐỐC

*Vũ Nguyễn Vũ*



Số: 174 /CV-LICOGI

"V/v: Ý kiến kiểm toán ngoại trừ BCTC  
riêng năm 2021"

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Ngày 30/03/2022 Tổng Công ty Licogi-CTCP đã thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán quốc tế (iCPA). Trên báo cáo tài chính kiểm toán, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ trên các cơ sở sau:

Đến thời điểm 01 tháng 01 năm 2017, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế là 282,58 tỷ đồng. Trong đó, chi phí lãi vay được ghi nhận vào khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" liên quan đến hạng mục hạng mục lô CT7- Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt là 10,8 tỷ đồng, phần chi phí lãi vay vốn hóa còn lại với giá trị 271,78 tỷ đồng đã được Tổng Công ty - Công ty mẹ dùng là một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi trong năm 2016. Tính đến thời điểm bàn giao dự án này vào ngày 20 tháng 07 năm 2016 cho Công ty con, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào dự án này với tổng giá trị lũy kế là 271,6 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu nhập được các thông tin cần thiết để xác định giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào Dự án này theo Chuẩn mực Kế toán VN số 16-Chi phí đi vay(CMKTVN số 16).

Trong năm 2017, Tổng Công ty sử dụng chi phí lãi vay vốn hóa vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt - hạng mục CT7 với giá trị lũy kế là 10,8 tỷ đồng làm một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2.

Đến thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2021, Tổng Công ty đã vốn hóa lãi vay của các hợp đồng vay giải ngân với mục đích tài trợ cho dự án hoặc thanh toán nợ gốc cho dự án là 72,99 tỷ vào khoản mục phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số V.5).

Vì dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt kéo dài nên chúng tôi không thể thu thập được các thông tin cần thiết để xác định chi phí lãi vay vào dự án này theo Chuẩn mực Kế toán số 16 - chi phí đi vay (VAS16). Do vậy chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của các khoản mục "Đầu tư vào Công ty con", "Phải thu ngắn hạn khác" tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 liên quan đến dự án này hay không.

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty con - Công ty TNHH Một thành viên Nhà ở và Đô thị Licogi không thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của khoản tạm ứng cho Ban Quản lý dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với giá trị khoảng 55 tỷ đồng. Tổng Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính. Nếu Tổng công ty thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này thì khoản mục "Đầu tư tài chính dài hạn" và "Lợi nhuận kế toán sau thuế chưa phân phối" tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 sẽ giảm đi tương ứng khoảng 55 tỷ đồng.

**Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Công ty kiểm toán:**





Dự án khu đô thị Thịnh Liệt được Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ra quyết định cấp phép đầu tư xây dựng vào ngày 17/09/2007 cho Tổng Công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng sau đó được chuyển giao lần lượt cho Tổng Công ty Licogi-CTCP và Công ty TNHH MTV Nhà ở và đô thị Licogi. Các chi phí lãi vay vốn hóa liên quan trực tiếp đến dự án này tuy nhiên dự án kéo dài vì các yếu tố khách quan, đến thời điểm hiện tại dự án vẫn đang trong quá trình đền bù giải phóng mặt bằng và tiếp tục thực hiện trong thời gian tới nên Tổng Công ty vẫn tiếp tục vốn hóa chi phí lãi vay liên quan đến dự án này mà không tạm dừng vốn hóa chi phí lãi vay. Đồng thời khi thành lập các Công ty con là Công ty TNHH MTV nhà ở đô thị Licogi và Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2 Tổng Công ty xác định các chi phí lãi vay vốn hóa này là một phần tài sản góp vốn khi thành lập công ty con.

Đối với khoản trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty con- Công ty TNHH MTV Nhà ở đô thị Licogi do Công ty con này chưa đánh giá khả năng thu hồi đối với các khoản tạm ứng cho Ban quản lý dự án. Do các khoản tạm ứng này Công ty con đang phối hợp với các bên có liên quan để thu hồi các khoản tạm ứng này nên Công ty con chưa trích lập dự phòng phải thu đối với khoản tạm ứng này. Mặt khác, trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, chúng tôi đã trích lập dự phòng khoản tạm ứng này khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề này được khắc phục khi Công ty nhà thực hiện kinh doanh dự án, có lợi nhuận, Tổng Công ty thu hồi được vốn đã đầu tư.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung các thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như đề gửi;
- Lưu TCKT, VP HĐQT



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Vũ Nguyễn Vũ*



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**



---

Tháng 3 năm 2022

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 46





## TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty LICOGI - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

- |                         |                            |
|-------------------------|----------------------------|
| 1. Ông Đinh Việt Tùng   | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| 2. Ông Phan Thanh Hải   | Phó Chủ tịch               |
| 3. Ông Nguyễn Thanh Hợp | Ủy viên                    |
| 4. Ông Nguyễn Danh Quân | Ủy viên                    |
| 5. Ông Ưng Tiến Đỗ      | Ủy viên                    |

##### Ban Tổng Giám đốc

- |                       |  |
|-----------------------|--|
| 1. Ông Vũ Nguyên Vũ   | Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2022)   |
| 2. Ông Phan Thanh Hải | Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2022) |
| 3. Ông Phan Đức Hùng  | Phó Tổng Giám đốc                                    |
| 4. Bà Phan Lan Anh    | Phó Tổng Giám đốc                                    |

##### Ban Kiểm soát

- |                               |            |
|-------------------------------|------------|
| 1. Bà Nguyễn Thị Khánh Phương | Trưởng ban |
| 2. Bà Nguyễn Thu Trang        | Thành viên |
| 3. Bà Kiều Bích Hoa           | Thành viên |

##### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này như sau:

- |                       |  |
|-----------------------|--|
| 1. Ông Vũ Nguyên Vũ   | Tổng Giám đốc (Từ ngày 15/03/2022)                     |
| 2. Ông Phan Thanh Hải | Tổng Giám đốc (Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 15/03/2022) |

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Vũ Nguyễn Vũ**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022



Số: 033005/2022/BCKT-iCPA

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty LICOGI - CTCP**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty LICOGI - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2022, từ trang 7 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty LICOGI - CTCP chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Đến thời điểm 01 tháng 01 năm 2017, Tổng công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế là 282,58 tỷ đồng. Trong đó, chi phí lãi vay được ghi nhận vào khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" liên quan đến hạng mục hạng mục lô CT7 - Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt là 10,8 tỷ đồng, phần chi phí lãi vay vốn hóa còn lại với giá trị 271,78 tỷ đồng đã được Tổng công ty - Công ty mẹ dùng là một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi trong năm 2016. Tính đến thời điểm bàn giao dự án này vào ngày 20 tháng 07 năm 2016 cho công ty con, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào dự án này với tổng giá trị lũy kế là 271,6 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu nhập được các thông tin cần thiết để xác định giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào Dự án này theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay (CMKTVN số 16).

Trong năm 2017, Tổng Công ty sử dụng chi phí lãi vay vốn hóa vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt - hạng mục CT7 với giá trị lũy kế là 10,8 tỷ đồng làm một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Đến thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2021, Tổng Công ty đã vốn hóa lãi vay của các hợp đồng vay giải ngân với mục đích tài trợ cho dự án hoặc thanh toán nợ gốc cho dự án là 72,99 tỷ vào khoản mục phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số V.5).

Vì dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt kéo dài nên chúng tôi không thể thu thập được các thông tin cần thiết để xác định chi phí lãi vay vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16 - chi phí đi vay (VAS16). Do vậy chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của các khoản mục "Đầu tư vào công ty con", "Phải thu ngắn hạn khác" tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 liên quan đến dự án này hay không.

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi không thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của khoản tạm ứng cho Ban Quản lý dự án KĐTMT Thịnh Liệt với giá trị khoảng 55 tỷ đồng. Tổng công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính. Nếu Tổng công ty thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này thì khoản mục "Đầu tư tài chính dài hạn" và "Lợi nhuận kế toán sau thuế chưa phân phối" tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 sẽ giảm đi tương ứng khoảng 55 tỷ đồng.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là 377.377.053.211 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 386.841.256.586 đồng), tổng nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 980.663.847.594 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 1.017.151.775.734 đồng). Các vấn đề này cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Báo cáo tài chính riêng kèm theo không bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào phát sinh từ vấn đề không chắc chắn này.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12 tháng 11 năm 2018 về giá trị thực tế vốn Nhà Nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng thành Tổng Công ty Licogi - CTCP thì giá trị phần vốn Nhà Nước chưa bao gồm giá trị chi phí cơ hội của Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt. Việc xác định giá trị chi phí cơ hội của Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt được thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ tài chính. Tổng Công ty có trách nhiệm nộp giá trị chi phí cơ hội của dự án này về Quỹ hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm công ty mẹ và các công ty con. Người sử dụng báo cáo tài chính của Tổng Công ty nên đọc các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để có đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh nêu trên.



**Khúc Đình Dũng**  
**Tổng Giám đốc**

Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0748-2018-072-01

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

**Nguyễn Phương Liên**  
**Kiểm toán viên**

Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 4540-2018-072-01

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

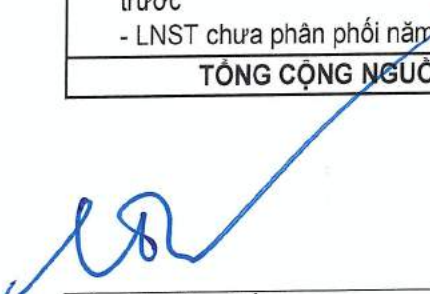
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>954.912.058.239</b>	<b>930.570.905.612</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>110.555.087.679</b>	<b>17.715.260.358</b>
1. Tiền	111		110.555.087.679	17.715.260.358
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>785.553.421.472</b>	<b>852.608.195.502</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	315.091.073.048	367.338.107.726
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	76.669.082.778	63.078.886.966
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	193.203.623.180	193.203.623.180
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	300.358.156.257	326.501.224.024
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(99.768.513.791)	(97.513.646.394)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.7	<b>45.360.899.643</b>	<b>45.438.345.148</b>
1. Hàng tồn kho	141		46.228.120.968	46.305.566.473
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(867.221.325)	(867.221.325)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13.442.649.445</b>	<b>14.809.104.604</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	78.588.266	621.385.327
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.010.936.443	13.879.727.179
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18a	353.124.736	307.992.098
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.925.002.156.161</b>	<b>1.946.264.043.691</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>109.188.133.573</b>	<b>127.409.083.954</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	109.188.133.573	127.409.083.954
- Nguyên giá	222		455.136.241.865	456.493.607.027
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(345.948.108.292)	(329.084.523.073)
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>1.357.365.162</b>	-
- Nguyên giá	231		1.357.365.162	-
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>14.844.918.305</b>	<b>14.844.918.305</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.9	4.589.571.314	4.589.571.314
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	10.255.346.991	10.255.346.991
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.799.582.604.958</b>	<b>1.803.778.029.660</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	1.443.580.147.489	1.443.580.147.489
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	354.718.980.552	356.363.654.969
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.14	59.260.545.400	59.260.545.400
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(59.477.068.483)	(56.926.318.198)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.15	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>29.134.163</b>	<b>232.011.772</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	29.134.163	232.011.772
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.879.914.214.400</b>	<b>2.876.834.949.303</b>

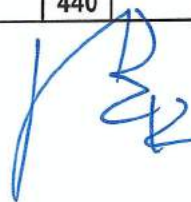



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.357.291.267.611</b>	<b>2.363.676.205.889</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.935.575.905.833</b>	<b>1.947.722.681.346</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	372.056.246.433	472.374.493.784
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	202.095.119.347	178.950.628.560
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18b	48.194.955.115	47.495.400.068
4. Phải trả người lao động	314		11.908.204.019	10.191.979.416
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	278.818.250.561	207.399.906.030
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	71.080.833.838	66.854.708.590
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21	951.135.674.276	964.168.942.654
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		286.622.244	286.622.244
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>421.715.361.778</b>	<b>415.953.524.543</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.096.650.357	1.493.524.543
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	60.000.000.000	225.000.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22	354.460.000.000	189.460.000.000
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342		6.158.711.421	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>522.622.946.789</b>	<b>513.158.743.414</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.23	<b>522.622.946.789</b>	<b>513.158.743.414</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		900.000.000.000	900.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		900.000.000.000	900.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(377.377.053.211)	(386.841.256.586)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(386.841.256.586)	(391.469.841.344)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		9.464.203.375	4.628.584.758
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.879.914.214.400</b>	<b>2.876.834.949.303</b>

  
**Trần Thị Thu Hằng**  
Người lập biểu

  
**Nguyễn Anh Dũng**  
Kế toán trưởng

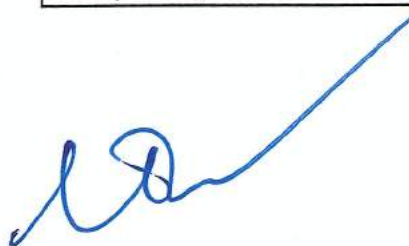
  
**Vũ Nguyên Vũ**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 30 tháng 03 năm 2022



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		409.409.091.775	341.512.844.311
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	409.409.091.775	341.512.844.311
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	407.724.647.432	337.227.379.450
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.684.444.343	4.285.464.861
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	182.463.554.246	110.493.365.758
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	130.184.738.035	59.412.797.080
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		127.444.064.625	73.948.125.110
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	27.994.924.682	30.375.838.944
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.968.335.872	24.990.194.595
11. Thu nhập khác	31		12.736.000	1.343.467.136
12. Chi phí khác	32	VI.6	16.516.868.497	21.705.076.973
13. Lợi nhuận khác	40		(16.504.132.497)	(20.361.609.837)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.464.203.375	4.628.584.758
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.464.203.375	4.628.584.758


Trần Thị Thu Hằng  
Người lập biểu

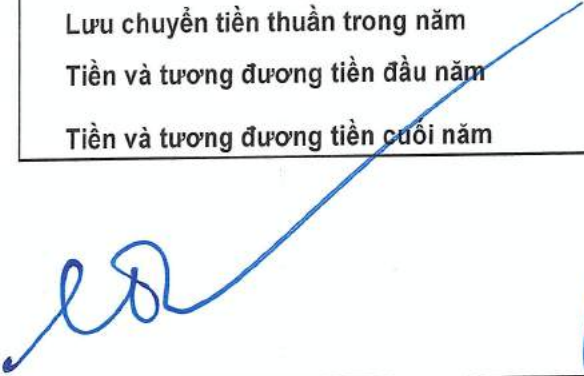
Nguyễn Anh Dũng  
Kế toán trưởngVũ Nguyên Vũ  
Tổng Giám đốc  
Ngày 30 tháng 03 năm 2022




**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	9.464.203.375	4.628.584.758
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	16.863.585.219	20.664.213.128
Các khoản dự phòng	03	10.964.329.103	(14.311.857.019)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(182.463.554.246)	(110.202.851.120)
Chi phí lãi vay	06	127.444.064.625	73.948.125.110
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>08</b>	<b>(17.727.371.924)</b>	<b>(25.273.785.143)</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	42.887.402.460	(72.761.984.463)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	77.445.505	9.172.790.443
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(220.585.940.149)	203.677.907.824
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	745.674.670	772.004.107
Tiền lãi vay đã trả	14	(71.368.505.797)	(70.530.996.505)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(63.900.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(265.971.295.235)</b>	<b>44.992.036.263</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	1.105.090.909
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	121.990.630.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	84.853.760.934	83.533.052.458
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>206.844.390.934</b>	<b>84.638.143.367</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	872.535.334.047	306.928.079.132
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(720.568.602.425)	(423.673.723.779)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>151.966.731.622</b>	<b>(116.745.644.647)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>92.839.827.321</b>	<b>12.884.534.983</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>17.715.260.358</b>	<b>4.830.725.375</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>110.555.087.679</b>	<b>17.715.260.358</b>

  
Trần Thị Thu Hằng  
Người lập biểu

  
Nguyễn Anh Dũng  
Kế toán trưởng

  
Vũ Nguyên Vũ  
Tổng Giám đốc  
Ngày 30 tháng 03 năm 2022



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty LICOGI - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển - Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900 tỷ đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100106440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 11 năm 2010, thay đổi lần thứ 8 ngày 17 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

**3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Thi công xây lắp: các công trình ngầm, các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh mương, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm), thủy điện, nhiệt điện, bưu điện, cấp thoát nước, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, khoan nổ mìn (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đầu tư kinh doanh phát triển các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng các công trình điện và kinh doanh điện thương phẩm; đầu tư và kinh doanh dịch vụ văn phòng, khách sạn, nhà nghỉ, du lịch và dịch vụ vui chơi giải trí, quản lý và khai thác dịch vụ tổng hợp tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung;
- Thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm);
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng, tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật chuyên ngành, giáo dục định hướng đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm có thời hạn ở nước ngoài;
- Sản xuất kinh doanh và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ khí, vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên nhiên liệu, các chủng loại vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm: quy hoạch, lập và thẩm định, dự án đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thiết kế, lập tổng dự toán các công trình xây dựng, quản lý dự án, giám sát kỹ thuật thi công, tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, thi công, xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị; thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình (không bao gồm tư vấn pháp luật).

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Đối với các hoạt động kinh doanh bất động sản của Tổng Công ty có chu kỳ sản xuất, kinh doanh thường kéo dài trên 12 tháng. Các hoạt động khác có chu kỳ kinh doanh với thời gian không quá 12 tháng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<b>Đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Văn phòng Tổng Công ty	Hà Nội	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Chi nhánh LICOGI số 1	Hà Nội	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Chi nhánh Vật liệu Xây dựng LICOGI	Hà Nội	Sản xuất vật liệu xây dựng

Thông tin về Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

<b>Công ty con</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Đông Anh	Hà Nội	51,85%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	Hà Nội	89,06%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí
Công ty CP Tư vấn Licogi	Hà Nội	60,00%	Tư vấn đầu tư xây dựng
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	Đồng Nai	51,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	64,77%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	Đà Nẵng	57,71%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 15	Thanh Hóa	64,65%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 17	Hải Dương	56,33%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Hà Nội	92,58%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Lắp máy Điện nước	Hà Nội	89,92%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	Hà Nội	100,00%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	Quảng Ninh	100,00%	Kinh doanh Bất động sản

Thông tin về các Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

<b>Công ty liên kết</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Công ty CP Thủy Điện Bắc Hà	Lào Cai	44,11%	Sản xuất và kinh doanh điện
Công ty CP Licogi 14	Phú Thọ	24,16%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 19	Hà Nội	22,62%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***II. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****5. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Thông tin về các Công ty nhận đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu, biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Licogi 12	Hà Nội	8,52%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 13	Hà Nội	4,19%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18	Hà Nội	4%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Thủy điện Đăkđrinh	Quảng Ngãi	1,19%	Sản xuất và kinh doanh điện
Công ty CP Đầu tư khu Công nghiệp Dầu khí Idico Long Sơn	TP. Hồ Chí Minh	0,36%	Xây dựng công trình
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vinashin-Licogi	TP. Hồ Chí Minh	10,00%	Xây dựng chuyên dụng
Công ty CP Quản lý Dự án và Xây dựng Licogi	TP. Hồ Chí Minh	10,00%	Xây dựng công trình dân dụng

**6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

**7. Nhân viên**

Số lượng cán bộ công nhân viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 101 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 236 người).

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Tổng Công ty chính thức trở thành Công ty cổ phần từ ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tổng Công ty đã nhận được phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12 tháng 11 năm 2018 về giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng thành Tổng công ty Licogi - CTCP và đã thực hiện điều chỉnh số liệu trên báo cáo tài chính. Tuy nhiên, do một số vướng mắc của quy định pháp lý liên quan đến khoản chi phí cơ hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt giữa Tổng công ty và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh bất động sản Khu Đông và tình hình thực tế triển khai dự án nên giá trị quyết toán bàn giao không bao gồm chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội này sẽ được tính riêng sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Tổng Công ty có trách nhiệm nộp trực tiếp về Quỹ hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc được loại trừ toàn bộ khi lập báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Giả định về khả năng hoạt động liên tục**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 980.663.847.594 đồng, lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán là 377.377.053.211 đồng, khả năng trả nợ của Tổng Công ty phụ thuộc vào các nguồn thu và nguồn tài trợ của các đối tác. Những vấn đề này là dấu hiệu cho thấy sự không chắc chắn mang tính chất trọng yếu về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán khoản nợ đến hạn (nếu cần) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Do đó, báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm trái phiếu bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	02 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 15



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)**

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư tại Tổng Công ty là bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí công trình xây dựng, chi phí sản xuất kinh doanh khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Các khoản dự phòng phải trả của Tổng Công ty bao gồm:

**Dự phòng bảo hành công trình xây dựng**

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 5% trên giá trị hợp đồng công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

**Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về dịch vụ xuất khẩu lao động.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá

**Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

*Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:*

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

*Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:*

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	185.098.718	28.754.930
Tiền gửi ngân hàng	89.334.988.961	17.686.505.428
Tiền đang chuyển	21.035.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>110.555.087.679</b>	<b>17.715.260.358</b>

**2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty CP Thủy điện Đakrinh	80.802.347.503	83.438.404.125
Công ty Cổ phần LICOGI 13	31.546.762.177	7.076.078.970
Ban quản lý dự án xây dựng trụ sở Công an TP HCM	25.051.173.842	1.505.524.426
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	21.261.594.839
BQLDA Đầu Tư Xây Dựng Các Công Trình Dân Dụng và Công Nghiệp Tỉnh Quảng Ninh	17.556.357.000	86.465.013.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng công trình 578	14.803.806.049	12.628.688.828
BQLDA Đầu tư Xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc	11.241.793.650	11.536.393.369
Công ty cổ phần Tập đoàn xây dựng Hòa Bình	8.936.478.335	8.936.478.335
Các đối tượng khác	103.890.759.653	134.489.931.834
<b>Cộng</b>	<b>315.091.073.048</b>	<b>367.338.107.726</b>
<b>b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)</b>	<b>34.747.782.819</b>	<b>34.307.782.819</b>

**3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước - Licogi	37.060.956.800	36.904.637.393
Công ty Cổ phần Licogi 15	10.582.917.642	10.322.757.198
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	4.237.983.181	3.653.178.951
Công ty Cổ phần Licogi 19	3.695.789.577	3.695.789.577
Trả trước cho người bán khác	21.091.435.578	8.502.523.847
<b>Cộng</b>	<b>76.669.082.778</b>	<b>63.078.886.966</b>
<b>b) Trả trước ngắn hạn cho các bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)</b>	<b>59.166.473.252</b>	<b>50.988.642.735</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****4. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước (*)	1.600.000.000	1.600.000.000
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (**)	191.603.623.180	191.603.623.180
<b>Cộng</b>	<b>193.203.623.180</b>	<b>193.203.623.180</b>
<b>b) Phải thu về cho vay ngắn hạn là bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)	<b>193.203.623.180</b>	<b>193.203.623.180</b>

(\*) Khoản cho vay theo hợp đồng số 05/2017/LICOGI-LMDN ngày 25 tháng 04 năm 2017, số tiền cho vay là 1.600.000.000 đồng, thời hạn của hợp đồng là 12 tháng, lãi suất cho vay thả nổi theo lãi suất ngân hàng thương mại từng thời kỳ, các hình thức đảm bảo tiền vay là nợ phải thu gói thầu TB02 - Công trình thủy điện Bắc Hà từ Công ty CP cơ khí Đông Anh Licogi theo cam kết thanh toán ba bên số 1904/2017/LICOGI/LMDN/CKĐA ngày 19/04/2017.

(\*\*) Khoản cho vay theo hợp đồng nguyên tắc số 04/2017/HĐVV/LICOGI-NỢĐT ngày 31 tháng 03 năm 2017, số tiền cho vay tối đa là 351.802.000.000 đồng, thời hạn cho vay tính từ ngày giải ngân đến 15 tháng 08 năm 2019. Đơn vị vay để thực hiện dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Lãi suất cho vay trong hạn thay đổi, lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ bằng 110% lãi suất nợ trong hạn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

Theo phụ lục hợp đồng vay vốn ngày 30 tháng 05 năm 2019, số tiền nợ và kỳ hạn trả nợ gốc vay được gia hạn thêm 17 tháng tính từ ngày 15 tháng 08 năm 2019. Lãi suất 16%/năm áp dụng từ ngày 16 tháng 08 năm 2019.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Phải thu khác ngắn hạn</b>		
Phải thu về cổ phần hóa	3.628.215.586	3.628.215.586
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	3.691.875.000	58.494.339.800
Phải thu người lao động	2.941.972.372	2.969.238.604
Tạm ứng	24.502.263.200	24.539.776.396
Phải thu các bên liên quan khác	14.193.192.530	13.285.223.766
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (*)	131.157.276.363	99.998.942.598
Ban điều hành Nhà máy Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	25.493.403.949
Phải thu lãi vay Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt (**)	72.992.608.004	72.992.608.004
Phải thu khác	21.757.349.253	25.099.475.321
<b>Cộng</b>	<b>300.358.156.257</b>	<b>326.501.224.024</b>
<b>b. Phải thu khác ngắn hạn là bên liên quan</b> (Chi tiết xem tại thuyết minh VII.1)	<b>152.670.559.479</b>	<b>184.548.682.755</b>

(\*) Khoản phải thu liên quan đến bàn giao dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt, các khoản Tổng Công ty cho Công ty con vay, tạm ứng để thực hiện dự án. Trong năm, phát sinh tăng 31,15 tỷ là chi phí lãi cho vay.

(\*\*) Tổng giá trị khoản phải thu về chi phí lãi vay lũy kế đến ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 72,99 tỷ. Trong năm, Tổng Công ty không vốn hóa lãi vay của các hợp đồng vay phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh hoặc phục vụ dự án vào khoản mục phải thu ngắn hạn khác.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****6. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng VND
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	
<b>a. Phải thu khách hàng</b>	<b>40.078.649.206</b>	-	<b>40.078.649.206</b>	<b>38.080.815.956</b>	<b>37.823.781.809</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	-	21.261.594.839	21.261.594.839	21.261.594.839
Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Đại Sơn	4.449.989.593	-	4.449.989.593	4.449.989.593	4.449.989.593
Công ty Cổ phần KT Đô thị Nam Thăng Long	1.982.135.768	-	1.982.135.768	1.982.135.768	1.982.135.768
Công trình Khu liên hợp thể thao Quốc gia	1.696.290.575	-	1.696.290.575	1.696.290.575	1.696.290.575
Phải thu khách hàng khác	10.688.638.431	-	10.688.638.431	8.690.805.181	8.433.771.034
<b>b. Phải thu khác</b>	<b>53.929.732.119</b>	-	<b>53.929.732.119</b>	<b>53.929.732.119</b>	<b>53.929.732.119</b>
Công ty Xây dựng 19	4.337.712.455	-	4.337.712.455	4.337.712.455	4.337.712.455
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác cảng	250.000.000	-	250.000.000	250.000.000	250.000.000
Ban điều hành Nhà máy Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	-	25.493.403.949	25.493.403.949	25.493.403.949
Ban điều hành Thủy điện Sơn La	407.283.893	-	407.283.893	407.283.893	407.283.893
Phải thu Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	6.079.942.000	-	6.079.942.000	6.079.942.000	6.079.942.000
Phải thu đối tượng khác	17.361.389.822	-	17.361.389.822	17.361.389.822	17.361.389.822
<b>c. Trả trước cho người bán</b>	<b>5.760.132.466</b>	-	<b>5.760.132.466</b>	<b>5.760.132.466</b>	<b>5.760.132.466</b>
Công ty Thiết bị Công nghiệp XD Công nghệ mới	333.599.600	-	333.599.600	333.599.600	333.599.600
Công ty CP Licogi 13 XD và kỹ thuật công trình	440.835.303	-	440.835.303	440.835.303	440.835.303
Công ty Xây dựng số 19	3.695.789.577	-	3.695.789.577	3.695.789.577	3.695.789.577
Trả trước cho người bán khác	1.289.907.986	-	1.289.907.986	1.289.907.986	1.289.907.986
<b>Cộng</b>	<b>99.768.513.791</b>	-	<b>99.768.513.791</b>	<b>97.770.680.541</b>	<b>97.513.646.394</b>



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCF**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****7. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.527.625.598	(867.221.325)	1.477.113.370	(867.221.325)
Công cụ, dụng cụ	630.027.690	-	630.027.690	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	44.067.892.605	-	44.126.709.568	-
Thành phẩm	2.575.075	-	71.715.845	-
<b>Cộng</b>	<b>46.228.120.968</b>	<b>(867.221.325)</b>	<b>46.305.566.473</b>	<b>(867.221.325)</b>

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí phát sinh của các công trình đang quá trình xây dựng dở dang. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án tuyến đường sắt đô thị số 1 TP.HCM - Ba Son	12.783.441.365	12.783.441.365
Công trình BIDV Nam Kỳ Khởi Nghĩa - gói 10	8.959.115.781	8.470.940.688
Dự án 423 Minh Khai	2.158.942.956	2.158.942.956
Các dự án khác	20.166.392.503	20.713.384.559
<b>Cộng</b>	<b>44.067.892.605</b>	<b>44.126.709.568</b>

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>NGUYÊN GIÁ</b>									
Tại ngày đầu năm	44.237.661.211	388.007.807.975	22.494.228.696	1.753.909.145	456.493.607.027				
Phân loại lại	(1.357.365.162)	-	-	-	(1.357.365.162)				
Tại ngày cuối năm	42.880.296.049	388.007.807.975	22.494.228.696	1.753.909.145	455.136.241.865				
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>									
Tại ngày đầu năm	33.648.542.692	271.894.785.823	22.021.873.870	1.519.320.688	329.084.523.073				
Khấu hao trong năm	1.066.836.967	15.609.909.616	149.035.636	74.000.000	16.899.782.219				
Phân loại lại	(36.197.000)	-	-	-	(36.197.000)				
Tại ngày cuối năm	34.679.182.659	287.504.695.439	22.170.909.506	1.593.320.688	345.948.108.292				
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>									
Tại ngày đầu năm	10.589.118.519	116.113.022.152	472.354.826	234.588.457	127.409.083.954				
Tại ngày cuối năm	8.201.113.390	100.503.112.536	323.319.190	160.588.457	109.188.133.573				

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 178.578.786.920 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 168.483.853.003 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là đồng 85.525.677.838 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 117.004.417.041 đồng).



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỜ DANG DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314
<b>Cộng</b>	<b>4.589.571.314</b>	<b>4.589.571.314</b>	<b>4.589.571.314</b>	<b>4.589.571.314</b>

Công trình Dự án Đầu tư Thủy điện Cẩm Thủy 2 do Tổng Công ty làm chủ đầu tư. Ngày 9 tháng 3 năm 2017, Hội đồng Quản trị có nghị quyết về việc không tiếp tục đầu tư vốn vào dự án Thủy điện Cẩm Thủy và chỉ đạo các phòng ban chủ động tìm phương án thu hồi vốn đã bỏ ra. Ngày 10 tháng 7 năm 2017, UBND tỉnh Thanh Hóa đã ra thông báo số 131/TB-UBND, trong đó thống nhất tạm dừng các hoạt động của dự án thủy điện Cẩm Thủy 2 do Tổng Công ty đang thực hiện và chuyển sang cho các sở ban ngành quy hoạch và trình phê duyệt dự án thủy lợi, thủy điện Cẩm Hoàng. Đến nay, Tổng Công ty chưa nhận được văn bản nào khác của các cơ quan chức năng có liên quan đến dự án này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN/DÀI HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	78.588.266	621.385.327
<b>Cộng</b>	<b>78.588.266</b>	<b>621.385.327</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa cải tạo	29.134.163	124.419.865
Chi phí trả trước khác	-	107.591.907
<b>Cộng</b>	<b>29.134.163</b>	<b>232.011.772</b>

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công trình xây dựng trụ sở làm việc văn phòng cho thuê tại lô E7 đường Phạm Hùng (*)	9.671.801.536	9.671.801.536
Dự án tòa nhà văn phòng và nhà ở CBNV Licogi	583.545.455	583.545.455
<b>Cộng</b>	<b>10.255.346.991</b>	<b>10.255.346.991</b>

(\*) Dự án đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội thông qua thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, phương án thiết kế công trình và có công văn giới thiệu địa điểm lô E6 - Phạm Hùng (8.450 m<sup>2</sup>) để Tổng Công ty thực hiện dự án vào ngày 03 tháng 01 năm 2007.

Tổng Công ty đã đặt cọc tiền đất số tiền 8.450.000.000 đồng với giá 1.000.000 đồng/m<sup>2</sup> cho lô E6 - Phạm Hùng theo công văn số 2618/KH&ĐT ngày 13/12/2006.

Ngày 10/08/2007, Sở Quy Hoạch - Kiến trúc Hà Nội đã điều chỉnh, bố trí lại vị trí xây dựng dự án từ lô E6 sang lô E7 (diện tích khoảng 6.500 m<sup>2</sup>) và được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã chấp thuận về việc nghiên cứu lập dự án xây dựng trụ sở văn phòng tại khu đô thị mới Cầu Giấy theo công văn số 1987/QĐ-UBND ngày 11/11/2008.

Tới thời điểm hiện tại, dự án vẫn chưa tiếp tục được triển khai do các bên đầu tư cần phải điều chỉnh lại thiết kế và quy hoạch tổng thể, bổ sung một số chức năng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang cố gắng thống nhất kế hoạch thực hiện để tiếp tục triển khai dự án.



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Số lượng CP	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng CP	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Đông Anh	1.529.568	34.476.838.106	-	1.529.568	34.476.838.106	-
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	27.609.700	300.945.730.000	-	27.609.700	300.945.730.000	-
Công ty CP Tư vấn Licogi	288.000	3.177.150.487	-	288.000	3.177.150.487	-
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	2.563.566	38.178.368.992	-	2.563.566	38.178.368.992	-
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	1.226.400	16.855.532.723	(8.353.518.740)	1.226.400	16.855.532.723	(4.572.748.305)
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	675.240	10.110.056.968	-	675.240	10.110.056.968	-
Công ty CP Licogi 15	659.430	6.593.800.000	(6.593.800.000)	659.430	6.593.800.000	(6.593.800.000)
Công ty CP Licogi 17	563.290	10.393.670.213	(10.393.670.213)	563.290	10.393.670.213	(10.393.670.213)
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	2.257.150	22.571.500.000	(22.571.500.000)	2.257.150	22.571.500.000	(22.571.500.000)
Công ty CP Lắp máy Điện nước	1.027.750	10.277.500.000	(10.277.500.000)	1.027.750	10.277.500.000	(10.277.500.000)
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi		900.000.000.000	-		900.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2		90.000.000.000	-		90.000.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>1.443.580.147.489</b>	<b>(58.189.988.953)</b>		<b>1.443.580.147.489</b>	<b>(54.409.218.518)</b>

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng CP	Giá gốc VND	Số lượng CP	Giá gốc VND
Công ty CP Thủy Điện Bắc Hà	29.113.083	301.991.630.000	29.113.083	301.991.630.000
Công ty CP Licogi 14	6.483.348	50.728.281.583	6.328.590	52.372.956.000
Công ty CP Licogi 19		1.999.068.969		1.999.068.969
<b>Cộng</b>		<b>354.718.980.552</b>		<b>356.363.654.969</b>
		<b>(944.038.250)</b>		
				<b>Dự phòng VND</b>

**14. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng CP	Giá gốc VND	Số lượng CP	Giá gốc VND
Công ty CP Licogi 12	596.700	7.895.068.192	596.700	7.895.068.192
Công ty CP Licogi 13	2.717.573	25.001.671.600	2.717.573	25.001.671.600
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18	1.518.750	10.530.000.000	1.518.750	10.530.000.000
Công ty CP Thủy điện Đăkđrinh	1.375.381	13.753.805.608	1.375.381	13.753.805.608
Công ty Cổ phần Đầu tư khu Công nghiệp Dầu khí Idico Long Sơn	300.000	780.000.000	300.000	780.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vinashin-Licogi	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Công ty CP Quản lý Dự án và Xây dựng Licogi	30.000	300.000.000	30.000	300.000.000
<b>Cộng</b>		<b>59.260.545.400</b>		<b>59.260.545.400</b>
		<b>(343.041.280)</b>		
				<b>Dự phòng VND</b>
				<b>(2.174.058.400)</b>
				<b>(85.673.179)</b>
				<b>(257.368.101)</b>
				<b>(2.517.099.680)</b>



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****15. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Trái phiếu	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>-</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản đầu tư dài hạn là 1.500 trái phiếu dài hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn với kì hạn 07 năm, lãi trái phiếu trả định kỳ 01 năm một lần với lãi suất tương đương 8%/năm.

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN****a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Cơ giới Xây lắp số 9	73.766.356.043	73.766.356.043	61.333.072.770	61.333.072.770
Công ty Cổ phần Licogi 13	53.539.535.732	53.539.535.732	47.639.540.387	47.639.540.387
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18.1	31.390.872.009	31.390.872.009	90.227.324.393	90.227.324.393
Công ty Cổ phần Licogi 16	30.033.945.370	30.033.945.370	37.628.594.020	37.628.594.020
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	26.620.313.859	26.620.313.859	28.148.658.686	28.148.658.686
Công ty Cổ phần Licogi 10	14.457.570.449	14.457.570.449	15.666.562.200	15.666.562.200
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	14.290.566.312	14.290.566.312	14.290.566.312	14.290.566.312
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xây dựng Hoàng Anh	10.414.309.946	10.414.309.946	5.465.883.913	5.465.883.913
Thầu phụ của Ban ĐH Dung Quất	10.376.483.794	10.376.483.794	11.376.483.794	11.376.483.794
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	5.122.168.738	5.122.168.738	5.599.168.222	5.599.168.222
Phải trả cho các đối tượng khác	102.044.124.181	102.044.124.181	154.998.639.087	154.998.639.087
<b>Cộng</b>	<b>372.056.246.433</b>	<b>372.056.246.433</b>	<b>472.374.493.784</b>	<b>472.374.493.784</b>
<b>b) Các khoản phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan</b> (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)	<b>113.610.262.705</b>	<b>113.610.262.705</b>	<b>122.385.595.752</b>	<b>122.385.595.752</b>



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTPC**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ Phần Cơ Giới Và Xây Lắp Số 9	81.000.000.010	81.000.000.010	80.000.000.000	80.000.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogji 2	45.924.629.229	45.924.629.229	54.986.000.000	54.986.000.000
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô - Dự án đề chấn sóng Dung Quất	30.707.123.540	30.707.123.540	30.707.123.540	30.707.123.540
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	5.553.391.592	5.553.391.592	5.553.391.592	5.553.391.592
Công trình Nhà máy Đóng tàu Dung Quất	5.246.722.907	5.246.722.907	5.246.722.907	5.246.722.907
Công ty Cổ phần Đầu tư Mai Linh	28.973.491.795	28.973.491.795	-	-
Người mua trả tiền trước khác	4.689.760.274	4.689.760.274	2.457.390.521	2.457.390.521
<b>Cộng</b>	<b>202.095.119.347</b>	<b>202.095.119.347</b>	<b>178.950.628.560</b>	<b>178.950.628.560</b>
<b>b) Người mua trả tiền trước ngắn hạn là bên liên quan</b>	<b>126.924.629.239</b>	<b>126.924.629.239</b>	<b>134.986.000.000</b>	<b>134.986.000.000</b>

(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)





**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số đầu năm
	VND	trong năm VND	trong năm VND	VND
<b>a) Các khoản phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	353.124.736	4.084.255.164	4.129.387.802	307.992.098
<b>Cộng</b>	<b>353.124.736</b>	<b>4.084.255.164</b>	<b>4.129.387.802</b>	<b>307.992.098</b>
<b>b) Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	18.271.861.728	41.626.678.990	41.626.678.990	18.271.861.728
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.171.464.234	-	-	1.171.464.234
Thuế thu nhập cá nhân	1.397.015.648	837.571.653	84.145.200	643.589.195
Thuế tài nguyên	30.429.000	264.894.000	302.351.000	67.886.000
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	649.887.512	649.887.512	-
Thuế bảo vệ môi trường	50.641.900	124.873.800	142.534.200	68.302.300
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	27.273.542.605	12.551.650	11.305.656	27.272.296.611
<b>Cộng</b>	<b>48.194.955.115</b>	<b>43.516.457.605</b>	<b>42.816.902.558</b>	<b>47.495.400.068</b>



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí lãi vay	168.307.074.003	115.845.535.384
Chi phí trích trước các công trình	86.235.130.480	70.808.448.106
Trong đó:		
- Công trình Suối chặn 2	26.794.598.660	26.794.598.660
- Công trình đại học quốc gia	18.107.454.040	18.340.877.589
- Dự án 20 Cộng Hòa	6.823.705.099	6.823.705.099
- Công trình thủy điện Bản Chát	7.343.716.979	7.598.262.434
- Dự án 423 Minh Khai	2.038.494.431	2.038.494.431
- Công trình khu liên hợp sản xuất Hòa Phát Dung Quất	7.735.263.764	7.605.818.108
- Trụ sở Công an TP Hồ Chí Minh	17.391.897.507	1.606.691.785
Chi phí phải trả khác	24.276.046.078	20.745.922.540
<b>Cộng</b>	<b>278.818.250.561</b>	<b>207.399.906.030</b>
<b>b) Chi phí phải trả bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)	<b>143.695.584.720</b>	<b>110.974.822.859</b>

**20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN/DÀI HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Tài sản thừa chờ giải quyết	68.714.425	68.714.425
Kinh phí công đoàn	1.756.489.361	1.710.847.057
Bảo hiểm xã hội	9.736.166.372	9.168.338.114
Bảo hiểm y tế	792.695.996	766.620.200
Bảo hiểm thất nghiệp	917.803.572	872.933.068
Phải trả về CP hoá	14.112.595.415	14.112.595.415
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	7.500.000.000	7.500.000.000
Công ty CP Thủy điện Đakđrinh	1.377.818.141	1.377.818.141
Công ty TNHH Thanh Bình	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2 (*)	24.692.222.237	24.226.568.646
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu (chi phí lãi vay)	4.713.424.658	2.059.794.521
Các khoản khác	2.912.903.661	2.490.479.003
<b>Cộng</b>	<b>71.080.833.838</b>	<b>66.854.708.590</b>
<b>b) Phải trả dài hạn khác</b>		
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông (**)	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương	-	165.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>225.000.000.000</b>
<b>c) Phải trả khác là bên liên quan</b> (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)	<b>92.192.222.237</b>	<b>91.726.568.646</b>



**TỔNG CÔNG TY LICOI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN/DÀI HẠN KHÁC (TIẾP THEO)**

(\*) Khoản phải trả bao gồm phải trả về chi phí lãi vay của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOI 2 và phải trả do nhận ứng trước từ hợp đồng số 04/2008/HĐĐT-XDC2-TL ngày 08/08/2008 về việc Tổng Công ty giao đất cho Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOI 2 thực hiện triển khai dự án Thịnh Liệt.

(\*\*) Ngày 25 tháng 09 năm 2014, Tổng Công ty đã ký hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông, hiện là cổ đông lớn của Tổng Công ty. Đây là khoản đặt cọc của Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông cho Tổng Công ty để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt.

**21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
<b>Vay ngân hàng</b>	<b>452.625.444.828</b>	<b>452.625.444.828</b>	<b>486.941.462.330</b>	<b>515.567.449.857</b>	<b>481.251.432.355</b>	<b>481.251.432.355</b>
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm	96.895.906.423	96.895.906.423	127.611.416.536	130.687.703.564	99.972.193.451	99.972.193.451
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	10.844.167.616	10.844.167.616	-	22.703.978.987	33.548.146.603	33.548.146.603
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	294.895.215.775	294.895.215.775	253.263.340.579	256.295.111.757	297.926.986.953	297.926.986.953
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	49.990.155.014	49.990.155.014	106.066.705.215	105.880.655.549	49.804.105.348	49.804.105.348

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay các đơn vị</b>	<b>444.837.726.537</b>	<b>444.837.726.537</b>	<b>214.585.241.278</b>	<b>183.500.000.000</b>	<b>413.752.485.259</b>	<b>413.752.485.259</b>
- Công ty Cổ phần Azura	217.500.000.000	217.500.000.000	-	-	217.500.000.000	217.500.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông	25.269.197.156	25.269.197.156	150.021.000.000	131.000.000.000	6.248.197.156	6.248.197.156
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu	85.000.000.000	85.000.000.000	-	-	85.000.000.000	85.000.000.000
- Công ty Cổ phần Cơ Khí Đông Anh LICOGI	72.805.454.198	72.805.454.198	60.464.241.278	52.500.000.000	64.841.212.920	64.841.212.920
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LicoGI số 2	11.641.339.779	11.641.339.779	-	-	11.641.339.779	11.641.339.779
- Tập đoàn Sông Đà	8.500.000.000	8.500.000.000	-	-	8.500.000.000	8.500.000.000
- Các đơn vị khác	24.121.735.404	24.121.735.404	4.100.000.000	-	20.021.735.404	20.021.735.404
<b>Vay cá nhân</b>	<b>53.672.502.911</b>	<b>53.672.502.911</b>	<b>6.008.630.439</b>	<b>11.565.310.252</b>	<b>59.229.182.724</b>	<b>59.229.182.724</b>
<b>Cộng vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>	<b>951.135.674.276</b>	<b>951.135.674.276</b>	<b>707.535.334.047</b>	<b>710.632.760.109</b>	<b>954.233.100.338</b>	<b>954.233.100.338</b>

**Cộng Nợ dài hạn đến hạn trả** (Chi tiết tại thuyết minh số V.22)

**Tổng cộng**

**b) Vay và nợ ngắn hạn là bên liên quan**  
(Chi tiết tại thuyết minh VII.1)

-	-	9.935.842.316	9.935.842.316
<b>951.135.674.276</b>	<b>951.135.674.276</b>	<b>964.168.942.654</b>	<b>964.168.942.654</b>
<b>109.715.991.133</b>	<b>109.715.991.133</b>	<b>82.730.749.855</b>	<b>82.730.749.855</b>



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN**  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

- (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm theo hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-202101881 ngày 27 tháng 12 năm 2021. Hạn mức cấp tín dụng là 100.000.000.000 đồng. Trong đó, hạn mức cho vay là 97 tỷ VNĐ, và hạn mức cấp bảo lãnh là 3 tỷ VNĐ. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 8,5%/năm và áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh định kỳ tối thiểu 3 tháng 1 lần, thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay của khoản quy định trên từng giấy nhận nợ. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh năm 2021-2022. Tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Tổng Công ty LICOGI - CTCP theo hợp đồng thế chấp số 01/2016/ĐS ngày 21 tháng 07 năm 2016 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/2016/ĐS-PL03.2020 ngày 25 tháng 11 năm 2020 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm và Tổng Công ty Licogi - CTCP, cổ phiếu Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18 chủ sở hữu là Tổng Công ty Licogi - CTCP và cổ phiếu Công ty CP Thủy điện Bắc Hà chủ sở hữu là Tổng Công ty Licogi - CTCP.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 1480-LAV-201700283 ngày 31 tháng 10 năm 2017. Hạn mức tín dụng là 13.500.000.000 đồng. Lãi suất vay 8,5%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán tiền thi công. Tài sản bảo đảm bao gồm: Quyền đòi nợ đối với Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà theo HĐ thế chấp số 02/THN-L11 ngày 25/12/2015, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 28/12/2015 (Phạm vi bảo đảm cho dư nợ tối đa là 9.800.000.000 đồng); và 3 xe ô tô tự đổ, 2 máy xúc thủy lực bánh xích gầu nghịch, 3 xe ô tô Mix vận chuyển bê tông theo hợp đồng thế chấp số 02/THN-L11 ngày 25/12/2015, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 28/12/2015 (Phạm vi bảo đảm là 3.750.000.000 đồng). Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021 là 10.844.167.616 đồng.  
Theo biên bản làm việc ngày 18 tháng 09 năm 2020, khoản vay sẽ được trả dần đến tháng 10/2022. Trường hợp thực hiện xong việc thoái vốn trước tháng 10/2022, Tổng Công ty LICOGI cam kết tắt toán toàn bộ khoản vay ngay sau khi thoái vốn.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/134647/HBTD ngày 02 tháng 03 năm 2021. Hạn mức cấp tín dụng là 397.000.000.000 đồng (gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ đã quy đổi), trong đó hạn mức cho vay là 297 tỷ đồng và hạn mức cấp bảo lãnh là 100 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức là kể từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 31/12/2021. Thời hạn của khoản vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo là một số máy móc thiết bị và tài sản của Tổng Công ty.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 1300-LAV-202100540 ngày 07 tháng 06 năm 2021. Hạn mức cấp tín dụng là 50.000.000.000 đồng. Lãi suất vay thả nổi. Thời hạn hiệu lực của hạn mức cấp tín dụng đến hết ngày 07 tháng 06 năm 2022. Thời hạn của khoản vay tối đa theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo bao gồm: Hợp đồng cầm cố cổ phần số 1300-LCP-201900526 ngày 18/04/2019, số 1300-LCP-201900527, số 1300-LCP-201900528, số 1300-LCP-201900529 ngày 23/04/2019; và hợp đồng thế chấp tài sản số 1300-LCP-201900524 ngày 23/04/2019 (thế chấp máy khoan cọc nhồi Nippon Sharyo), và Hợp đồng cầm cố tài sản số 1300LCP201901465 ngày 30/12/2019.





**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

**MẪU SỐ B 09 - DN**  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

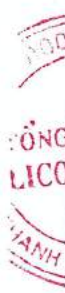
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

- (v) Hợp đồng vay số 10\_2019/HĐV\_LICOGI ký ngày 22 tháng 04 năm 2019 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty Cổ phần AZURA nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh thông thường. Thời hạn vay là từ ngày 22/04/2019 đến ngày 22/07/2019. Tài sản đảm bảo là 28.650.727 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà, 4.590.967 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 14 và 2.717.573 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 13. Giá trị cổ phiếu theo hợp đồng là 610.282.747.060 đồng. Lãi suất vay tại ngày ký hợp đồng là 14%/năm.
- (vi) Các hợp đồng vay ký kết giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông với mục đích phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt. Lãi suất vay 8%/năm. Thời hạn vay của các hợp đồng tối đa là 12 tháng.
- (vii) Hợp đồng vay số 02/2017/HĐVV/LICOGI-XUAN CAU ký ngày 18 tháng 12 năm 2017 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu nhằm phục vụ thanh toán nợ đến hạn Ngân hàng và các khoản nợ đến hạn khác của Tổng Công ty. Thời hạn vay là 09 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay tại thời điểm hiện tại là 11%/năm. Tài sản đảm bảo là 12.000.000 cổ phiếu Công ty CP Cơ khí Đồng Anh.
- Phụ lục gia hạn Hợp đồng vay vốn số 06/PLHĐVV/LICOGI-XUANCAU ngày 04 tháng 01 năm 2021 gia hạn thời hạn vay từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.
- (viii) Bao gồm 3 hợp đồng vay:
  - Hợp đồng vay số 2509/2017/HĐVV/LICOGI-CKĐA ngày 25 tháng 09 năm 2017 kèm phụ lục hợp đồng vay vốn số 2509/2017/HĐVV/LICOGI-CKĐA ngày 31 tháng 08 năm 2021 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty Cổ phần Cơ khí Đồng Anh Licogi nhằm bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay 9%/năm. Thời hạn vay 9 tháng kể từ ngày 31/08/2021 theo phụ lục hợp đồng gia hạn. Tài sản đảm bảo là quyền hưởng cổ tức năm 2021, năm 2022 và các khoản phải thu hợp pháp khác của Tổng Công ty. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2021 là 48.585.454.198 đồng.
  - Hợp đồng vay số 3105/2018/HĐVV/LICOGI-CKĐA ngày 31 tháng 05 năm 2018 kèm phụ lục hợp đồng vay vốn số 3105/2018/PLHĐ/LICOGI-CKĐA ngày 31 tháng 08 năm 2021 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty Cổ phần Cơ khí Đồng Anh Licogi nhằm bổ sung vốn lưu động và trả nợ ngân hàng, tổ chức khác. Lãi suất vay 9%/năm. Thời hạn vay 9 tháng kể từ ngày 31 tháng 08 năm 2021 hoặc đến thời hạn Công ty CP Cơ khí Đồng Anh Licogi chỉ trả cổ tức năm 2021 cho các cổ đông, hoặc đến khi Tổng Công ty Licogi - CTCP thoái vốn khỏi CKĐA tùy thuộc điều kiện nào đến trước. Tài sản đảm bảo là Quyền hưởng cổ tức năm 2021 và 2022 (nếu có) của Tổng Công ty Licogi - CTCP tại Công ty Cổ phần Cơ khí Đồng Anh Licogi và tất cả các khoản phải thu hợp pháp của Tổng Công ty Licogi - CTCP. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2021 là 21.670.000.000 đồng.

Hợp đồng vay số 0802/2021/HĐVV/LICOGI-CKĐA ngày 08 tháng 02 năm 2021 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty Cổ phần Cơ khí Đồng Anh Licogi nhằm trả nợ ngân hàng, các tổ chức tín dụng và phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay 9%/năm. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày bên cho vay chuyển tiền cho bên vay hoặc đến khi bên cho vay chi trả cổ tức năm 2020 và năm 2021 cho các cổ đông tùy thuộc điều kiện nào đến trước. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng cổ tức năm 2020, năm 2021 của Tổng Công ty Licogi - CTCP tại Công ty Cổ phần Cơ khí Đồng Anh Licogi và tất cả các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh và nguồn thu hợp pháp khác của Tổng Công ty Licogi - CTCP. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2021 là 2.550.000.000 đồng.





**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MÃ SỐ B 09 - DN**  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

- (ix) Hợp đồng vay vốn số 01/2018/HĐVV/LICOGI-LICOGI 2 ngày 22 tháng 08 năm 2018 và phụ lục hợp đồng vay vốn số 06/2020/HĐVV/LICOGI-LICOGI 2 ngày 22 tháng 02 năm 2021 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Licogi 2 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay tại thời điểm hiện tại là 4%/năm. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 22/02/2021 đến ngày 22/02/2022 theo phụ lục hợp đồng gia hạn. Tài sản bảo đảm là quyền hưởng lợi nhuận năm 2021 và các năm tiếp theo của Tổng Công ty Licogi - CTCP tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2 và nguồn thu hợp pháp khác của Tổng Công ty Licogi - CTCP.
- (x) Hợp đồng tín dụng số 18/2011/HĐTD/TSCĐ-LICOGI ký ngày 30 tháng 12 năm 2011 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Tổng Công ty Sông Đà với số tiền 20.000.000.000 đồng nhằm mục đích đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Bắc Hà. Thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay 20%/năm. Các khoản vay được đảm bảo bằng cổ phiếu của một số đơn vị do Tổng Công ty nắm giữ.
- (xi) Bao gồm một số hợp đồng vay với cá nhân và các đơn vị khác. Cụ thể:
  - Hợp đồng vay số 304-2018/HĐV-LICOGI kí ngày 31 tháng 05 năm 2018 giữa Tổng Công ty LICOGI - CTCP và ông Nguyễn Xuân Thắng nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh thông thường. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày toàn bộ các khoản vay quy định trong hợp đồng được chuyển đầy đủ và tài khoản cho Tổng Công ty. Tài sản đảm bảo là 2.563.566 cổ phiếu thuộc sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty CP Cơ giới và xây lắp số 9 (Licogi 9). Lãi suất vay là 9%/năm. Số dư nợ vay tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2021 là 20.000.000.000 đồng. Khoản vay đã được thanh toán trong tháng 01 năm 2022
  - Hợp đồng vay số 01/HĐCV/TG-LICOGI ngày 12 tháng 05 năm 2021 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty CP TERRA GOLD với số tiền là 4.100.000.000 đồng nhằm mục đích thực hiện các hoạt động của bên vay phù hợp với pháp luật và không gây ảnh hưởng đến các lợi ích của bên cho vay. Lãi suất vay là 5%/năm. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày bên cho vay chuyển tiền cho bên vay. Tài sản đảm bảo là các khoản phải thu Tổng Công ty Licogi - CTCP phát sinh theo Hợp đồng thi công thầu phụ số 05/LICOGI/ISG/2016 ngày 10/08/2016 giữa Công ty CP Xây dựng và kinh doanh Địa ốc Hòa Bình và Tổng Công ty Licogi - CTCP và các phụ lục đính kèm, giá trị của tài sản thế chấp tại thời điểm ký kết Hợp đồng là 8.334.349.353 đồng. Số dư vay tính đến thời điểm 31/12/2021 là 4.100.000.000 đồng
  - Các khoản vay cá nhân chủ yếu là các khoản vay từ cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Lãi suất cho vay được áp dụng theo mức lãi suất Ngân hàng cho Tổng Công ty vay tại thời điểm vay vốn và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Trong năm, mức lãi suất chủ yếu được áp dụng là 9%/năm. Các khoản vay có thời hạn dưới 12 tháng.



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>						
<b>Vay dài hạn</b>	<b>165.000.000.000</b>	<b>165.000.000.000</b>	<b>165.000.000.000</b>	<b>9.935.842.316</b>	<b>9.935.842.316</b>	<b>9.935.842.316</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	-	-	-	9.935.842.316	9.935.842.316	9.935.842.316
- Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương (i)	165.000.000.000	165.000.000.000	165.000.000.000	-	-	(*)
<b>Vay các đơn vị</b>	<b>189.460.000.000</b>	<b>189.460.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>189.460.000.000</b>	<b>189.460.000.000</b>
- Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông (ii)	189.460.000.000	189.460.000.000	-	-	189.460.000.000	189.460.000.000
<b>Cộng</b>	<b>354.460.000.000</b>	<b>354.460.000.000</b>	<b>165.000.000.000</b>	<b>9.935.842.316</b>	<b>199.395.842.316</b>	<b>199.395.842.316</b>
<b>Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9.935.842.316</b>	<b>9.935.842.316</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	-	-	-	-	9.935.842.316	9.935.842.316
<b>Cộng các khoản vay dài hạn</b>	<b>354.460.000.000</b>	<b>354.460.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>189.460.000.000</b>	<b>189.460.000.000</b>
<b>b) Vay và nợ dài hạn là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh VII.1)</b>	<b>189.460.000.000</b>	<b>189.460.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>189.460.000.000</b>	<b>189.460.000.000</b>

(i) Khoản vay Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương theo biên bản thỏa thuận chuyển đổi nghĩa vụ hoàn trả tiền thành khoản vay ngày 31 tháng 12 năm 2021, số tiền là 165 tỷ đồng, thời hạn vay 03 năm, lãi suất 0%/năm. Gốc vay được Thanh toán khi kết thúc thời hạn vay. Khoản vay không có tài sản đảm bảo

(ii) Các hợp đồng vay giữa Tổng Công ty LicoGI - CTCP và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông nhằm mục đích phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt với số tiền 270.210.000.000 đồng. Lãi suất vay từ 8-10%/năm nhằm mục đích phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt. Theo các phụ lục hợp đồng, kỳ hạn trả nợ gốc của các hợp đồng được gia hạn đến năm 2022.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****23. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	900.000.000.000	(391.469.841.344)	508.530.158.656
Lợi nhuận tăng trong năm	-	4.628.584.758	4.628.584.758
Số dư đầu năm nay	900.000.000.000	(386.841.256.586)	513.158.743.414
Lợi nhuận tăng trong năm	-	9.464.203.375	9.464.203.375
Số dư cuối năm nay	<u>900.000.000.000</u>	<u>(377.377.053.211)</u>	<u>522.622.946.789</u>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị
Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước	40,71%	366.406.910.000	40,71%	366.406.910.000
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh Bất động sản Khu Đồng	35,00%	315.000.000.000	35,00%	315.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường	19,24%	173.128.880.000	19,24%	173.128.880.000
Các cổ đông khác	5,05%	45.464.210.000	5,05%	45.464.210.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>900.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>900.000.000.000</b>

**c) Cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	409.409.091.775	341.512.844.311
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa vật liệu xây dựng	299.182.869.174	216.365.838.723
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.747.874.692	3.346.516.587
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	106.478.347.909	121.800.489.001
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>409.409.091.775</u>	<u>341.512.844.311</u>
Doanh thu với bên liên quan	49.937.081.124	36.780.383.376
(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa, vật liệu xây dựng	298.796.224.892	214.577.150.744
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.852.144.919	3.008.203.114
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	100.917.566.200	119.642.025.592
Dự phòng bảo hành công trình	6.158.711.421	-
<b>Cộng</b>	<b>407.724.647.432</b>	<b>337.227.379.450</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	32.271.758.872	32.841.110.272
Cổ tức lợi nhuận được chia	29.694.463.079	77.652.255.486
Lãi từ bán cổ phần Công ty CP Licogi 14	120.345.955.583	-
Doanh thu tài chính khác	151.376.712	-
<b>Cộng</b>	<b>182.463.554.246</b>	<b>110.493.365.758</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	127.444.064.625	73.948.125.110
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá đầu tư dài hạn	2.550.750.285	(14.535.832.528)
Chi phí tài chính khác	189.923.125	504.498
<b>Cộng</b>	<b>130.184.738.035</b>	<b>59.412.797.080</b>

**5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí đồ dùng văn phòng	413.910.529	724.934.923
Chi phí nhân viên quản lý	16.254.469.470	18.591.266.778
Chi phí khấu hao tài sản cố định	678.408.603	1.318.606.748
Thuế, phí, lệ phí	953.260.194	553.640.024
Trích lập dự phòng	2.254.867.397	223.975.509
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.711.735	28.218.160
Chi phí bằng tiền khác	7.382.296.754	8.935.196.802
<b>Cộng</b>	<b>27.994.924.682</b>	<b>30.375.838.944</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****6. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản bị phạt	85.777.899	1.866.659.460
Khấu hao tài sản đang dừng hoạt động	15.854.714.760	17.931.747.822
Thanh lý tài sản cố định	-	290.514.638
Chi phí khác	576.375.838	1.616.155.053
<b>Cộng</b>	<b>16.516.868.497</b>	<b>21.705.076.973</b>

**7. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>9.464.203.375</b>	<b>4.628.584.758</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	29.694.463.079	77.652.255.486
- Lợi nhuận của Công ty con, liên kết	29.694.463.079	77.652.255.486
Cộng: Chi phí không được trừ	70.277.047.097	36.783.665.043
- Chi phí lãi vay không chế do có GDLK	53.760.178.600	15.078.588.070
- Chi phí không được trừ khác	16.516.868.497	21.705.076.973
Chuyển lỗ phát sinh các năm trước	50.046.787.393	-
Thu nhập chịu thuế	-	(36.240.005.685)
Thuế suất	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**8. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 "Lãi cơ bản trên cổ phiếu", Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	78.538.025.865	105.300.532.336
Chi phí nhân công	21.017.589.291	25.261.721.405
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.899.782.219	20.664.213.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.543.588.014	5.832.234.591
Chi phí khác bằng tiền	7.733.560.583	10.016.718.052
<b>Cộng</b>	<b>140.732.545.972</b>	<b>167.075.419.512</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan**

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Công ty CP Đầu tư Xây lắp và vật liệu Đông Anh	Công ty con
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	Công ty con
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	Công ty con
Công ty Cổ phần Licogi 15	Công ty con
Công ty Cổ phần Licogi 17	Công ty con
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Công ty con
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy Điện Bắc Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Licogi 14	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Licogi 19	Công ty liên kết
Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và các cổ đông lớn	Điều hành Công ty

**Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
<b>a. Bán hàng</b>	<b>49.937.081.124</b>	<b>36.780.383.376</b>
Công ty Cổ phần Licogi 15	500.000.000	-
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	38.523.366	-
Công ty CP Licogi 17	65.791.188	-
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	218.181.818	31.820.560.000
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	231.804.230	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	48.882.780.522	4.959.823.376
	<b>196.167.919.264</b>	<b>88.468.422.603</b>
<b>b. Mua hàng</b>		
Công ty CP Licogi 17	92.943.724.960	88.228.422.603
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	54.877.164.280	240.000.000
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	33.588.235.929	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	14.758.794.095	-
	<b>32.258.941.876</b>	<b>32.336.075.108</b>
<b>c. Lãi cho vay</b>		
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	31.158.333.765	31.236.014.132
Công ty Cổ phần Licogi 15	192.638.890	193.166.668
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	907.969.221	906.894.308
	<b>28.636.738.079</b>	<b>77.150.741.400</b>
<b>d. Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>		
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	19.326.790.000	74.546.190.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	5.535.526.879	-
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và vật liệu Đông Anh	3.059.136.000	1.835.481.600
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	512.713.200	769.069.800
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	202.572.000	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>e. Chi phí lãi vay</b>	<b>31.981.548.391</b>	<b>36.941.855.007</b>
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	8.747.286.098	5.931.224.048
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh Bất động sản Khu	18.149.800.484	21.369.602.365
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	1.762.091.947	1.877.468.887
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	3.322.369.862	7.763.559.707

**Số dư với các bên liên quan như sau:**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>34.747.782.819</b>	<b>34.307.782.819</b>
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	1.381.840.156	1.381.840.156
Công ty Cổ phần Thủy Điện Bắc Hà	4.804.043.818	4.804.043.818
Công ty Cổ phần Licogi 15	472.118.558	32.118.558
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	27.662.534.224	27.662.534.224
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	427.246.063	427.246.063
<b>Các khoản người mua trả tiền trước</b>	<b>126.924.629.239</b>	<b>134.986.000.000</b>
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	45.924.629.229	54.986.000.000
Công ty Cổ phần Cơ Giới và Xây Lắp Số 9	81.000.000.010	80.000.000.000
<b>Phải thu tạm ứng cho các bên liên quan</b>	<b>14.193.192.530</b>	<b>13.285.223.766</b>
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	101.180.973	101.180.973
Công ty CP Licogi 15	1.749.532.230	1.749.532.230
Công ty CP Licogi 19	713.413.162	713.413.162
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	69.910.000	69.910.000
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	-	457
Công ty CP Lắp máy Điện nước	5.839.623.407	4.931.654.186
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	5.719.532.758	5.719.532.758
<b>Cổ tức phải thu</b>	<b>3.691.875.000</b>	<b>58.195.989.800</b>
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	-	55.219.400.000
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	2.207.520.000	2.207.520.000
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	1.281.783.000	769.069.800
Công ty Cổ phần Licogi 10	202.572.000	-
<b>Phải thu CP hóa các công ty con, liên kết</b>	<b>3.628.215.586</b>	<b>3.628.215.586</b>
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	-	-
Công ty CP Lắp máy Điện nước	3.916.293	3.916.293
Công ty CP Licogi 19	3.624.299.293	3.624.299.293
<b>Phải thu khác</b>	<b>131.157.276.363</b>	<b>109.439.253.603</b>
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	131.157.276.363	99.998.942.598
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	-	9.440.311.005

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>113.610.262.705</b>	<b>122.385.595.752</b>
Công ty Cổ phần Licogi 17	26.694.251	20.026.318.820
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	14.457.570.449	15.666.562.200
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	14.290.566.312	14.290.566.312
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	73.766.356.043	61.333.072.770
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	6.915.433.684	6.915.433.684
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	1.667.728.886	1.667.728.886
Công ty Cổ phần Licogi 14	1.432.899.716	1.432.899.716
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	1.013.804.678	1.013.804.678
Công ty Cổ phần Licogi 15	39.208.686	39.208.686
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>59.166.473.252</b>	<b>50.988.642.735</b>
Công ty Cổ phần Licogi 17	7.761.350.666	
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	37.060.956.800	36.904.637.393
Công ty Cổ phần Licogi 15	10.582.917.642	10.322.757.198
Công ty Cổ phần Licogi 19	3.695.789.577	3.695.789.577
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	65.458.567	65.458.567
<b>Chi phí phải trả</b>	<b>143.695.584.720</b>	<b>110.974.822.859</b>
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	3.176.804.865	3.176.804.865
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	664.690.242	869.168.258
Công ty Cổ phần Licogi 15	5.636.965.542	5.636.965.542
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	44.405.457.992	29.646.663.897
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	2.238.767.717	1.491.347.897
Công ty CP Lắp máy Điện nước	30.541.489.500	30.541.489.500
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	1.833.814.437	1.833.814.437
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	681.494.043	681.494.043
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh BĐS Khu Đông	54.516.100.382	37.097.074.420
<b>Các khoản phải trả khác</b>	<b>92.192.222.237</b>	<b>91.726.568.646</b>
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	7.500.000.000	7.500.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	24.692.222.237	24.226.568.646
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	60.000.000.000	60.000.000.000
<b>Các khoản vay</b>	<b>299.175.991.133</b>	<b>272.190.749.855</b>
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông	214.729.197.156	195.708.197.156
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	72.805.454.198	64.841.212.920
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	11.641.339.779	11.641.339.779
<b>Các khoản cho vay</b>	<b>193.203.623.180</b>	<b>193.203.623.180</b>
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	1.600.000.000	1.600.000.000
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	191.603.623.180	191.603.623.180



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Thu nhập, thù lao và các khoản phụ cấp của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị trong kỳ như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>1.296.000.000</b>	<b>1.276.000.000</b>
<b>Thù lao, phụ cấp của các thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
1. Đinh Việt Tùng	129.000.000	128.000.000
2. Phan Thanh Hải	369.000.000	368.000.000
3. Nguyễn Thanh Hợp	98.000.000	92.000.000
4. Nguyễn Danh Quân	350.000.000	344.000.000
5. Ưng Tiến Đỗ	350.000.000	344.000.000
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>993.000.000</b>	<b>976.000.000</b>
1. Phan Thanh Hải	365.000.000	360.000.000
2. Phan Đức Hùng	314.000.000	308.000.000
3. Phan Lan Anh	314.000.000	308.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.289.000.000</b>	<b>2.252.000.000</b>

**2. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

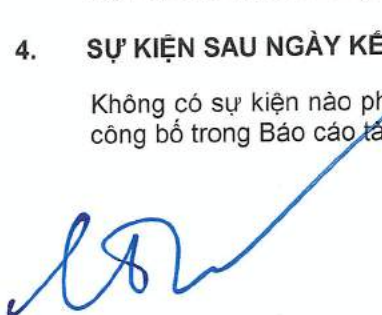
Tổng Công ty ký hợp đồng với Sở Địa chính - Nhà đất Hà Nội theo hợp đồng thuê đất số 146-2003/ĐCND-HĐTĐTN tại nhà G1, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, quận Thanh Xuân, Hà Nội với mục đích làm trụ sở làm việc và điều hành sản xuất trong 30 năm từ ngày 01/01/2003. Diện tích khu đất thuê là 1.928 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà Nước.

**3. KIẾN TỤNG, TRANH CHẤP PHÁP LÝ**

Trong năm 2012, Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô ("Công ty Lũng Lô") đã khởi kiện Tổng Công ty liên quan đến khoản tiền mà Công ty Lũng Lô đã ứng trước cho Tổng Công ty để thực hiện dự án đề chắn sóng Nhà máy lọc dầu Dung Quất theo hợp đồng số 08.1/HĐKT - LCC-Licogi. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã có quyết định theo bản án số 101/2018/KDTM - PT ngày 14 tháng 08 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng xây dựng, Tổng Công ty phải hoàn trả Công ty Lũng Lô 19.206.866.091 đồng tiền tạm ứng thừa và 12.656.798.538 đồng tiền lãi chậm trả. Ngày 23 tháng 01 năm 2019, Tổng Công ty có đơn đề nghị xem xét bản án theo thủ tục giám đốc thẩm và hoãn thi hành án. Đơn đề nghị đã được chấp thuận theo quyết định số 02/QĐ-CCTHADS ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân và giấy biên nhận đơn đề nghị xem xét lại bản án kinh doanh thương mại của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội ngày 25 tháng 04 năm 2019. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty đang ghi nhận khoản phải trả cho Công ty Lũng Lô là 30.707.123.540 đồng. Từ đầu năm 2022 đến ngày 15 tháng 03 năm 2022, Tổng Công ty đã thanh toán cho Lũng Lô toàn bộ các khoản tiền gốc và lãi theo bản án.

**4. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

  
 Trần Thị Thu Hằng  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Anh Dũng  
 Kế toán trưởng

  
 Vũ Nguyên Vũ  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 30 tháng 03 năm 2022

